TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Bản án số: 62/2024/HC-PT	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Ngày 22 tháng 01 năm 2024	
V/v Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về việc trả hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Nhựt Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 777/2023/TLPT-HC ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc *"Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về việc trả hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2023/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 123/2024/QĐPT-HC ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện***:* Ông Phan Văn H, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: 1 Hậu Giang, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Người bị kiện:**

1/ Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Xuân T - Giám đốc (xin vắng mặt);

2/ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh N – Chi nhánh thành phố P - T.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng N - Phó Giám đốc (xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn H, sinh năm 1965 (có mặt).

Cùng địa chỉ: 1 Hậu Giang, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Người kháng cáo***:* Người khởi kiện là ông Phan Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Phan Văn H trình bày:

Ông Phan Văn H và bà Trần Thị T1 nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Trọng C thửa đất số 195 tờ bản đồ địa chính số 13 phường M (nay là thửa số 226 tờ bản đồ số 13 phường M) diện tích 246 m^2 theo giấy viết tay đề ngày 26/7/2005, không có xác nhận của chính quyền địa phương.

Căn cứ đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ngày 08/11/2017, UBND phường M xác nhận nội dung như sau:

Nguồn gốc sử dụng đất: thuộc đất nghĩa địa trên nền bản đồ năm 1998, năm 2004 ông T2, ông D, ông L chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trọng C; đến năm 2005 ông C chuyển nhượng cho ông Phan Văn H (không có giấy tờ).

Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký: năm 2005.

Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất: không.

Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất: không.

Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng: thuộc đất ở phân lô theo QH Bắc Nam gần cầu A.

Ông đã nộp hồ sơ cấp GCNQSDĐ tại Văn phòng Đ Chi nhánh P - T. Ngày 21/11/2017, Văn phòng Đ Chi nhánh P - T đã ban hành Công văn số 1387/CV-CNPRTC "v/v chuyển trả hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận của ông Phan Văn H". Do ông kiến nghị, ngày 10/5/2021, Văn phòng Đ chi nhánh P - T ban hành Công văn số 879/CV-CNPRTC ngày 23/4/2021, trả lời đơn kiến nghị của ông.

Ngày 18/6/2021, ông làm đơn khiếu nại gửi Giám đốc văn phòng Đ khiếu nại về việc Văn phòng Đ chi nhánh P - T không thực hiện thủ tục hành chính về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 17/9/2021, Văn phòng Đ có văn bản số 1046 về việc trả lời đơn khiếu nại của ông, nội dung : *"Văn phòng đề nghị ông H liên hệ UBND phường M xác nhận rõ nguồn gốc đất đai và thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký của hộ ông Phan Văn H (lưu ý xem xét, xác nhận, thẩm định và đề xuất giải quyết hồ sơ theo Điều 100 và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 20, 22, 23 Nghị định 43 của Chính Phủ)".*

Ông H làm đơn khiếu nại lần 2 gửi Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N vào ngày 15/10/2021. Ngày 20/10/2021, Giám đốc sở đã ban hành công văn số 5070 giao văn phòng Đ xử lý giải quyết đơn.

Ngày 30/11/2021, Giám đốc văn phòng Đ đã ban hành Quyết định 1381/QĐ-VPĐK về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông, nội dung:

"Điều 1: giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn H

1. Không chấp thuận việc ông Phan Văn H yêu cầu thực hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với đất nông nghiệp tại phường M do sử dụng đất vi phạm lấn chiếm đất nghĩa địa, hiện trạng không sử dụng sản xuất nông nghiệp (dùng để chứa cát) là hành vi vi phạm pháp luật đất đai (theo điều 12 Luật đất đai 2013), thửa đất thuộc quy hoạch phân lô đất ở, không phù hợp quy hoạch đất nông nghiệp.

2. Giữ nguyên nội dung văn bản số 1046/VPĐKDĐ –ĐKCG ngày 17/9/2021 của Văn phòng Đ".

Ông Phan Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên hủy Quyết định số 1381/QĐ-VPĐK ngày 30/11/2021 của Giám đốc Văn phòng Đ và Văn bản số 1046/VPĐKDĐ-ĐKCN ngày 17/9/2021 của Văn phòng Đ.

- Buộc Văn phòng Đ Chi nhánh P - T thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 195 tờ bản đồ địa chính số 13 phường M.

Lý do: căn cứ khoản 1 Điều 82 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, khoản 54 điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Người bị kiện Văn phòng Đ - Chi nhánh P - T trình bày tại Bản giải trình ngày 06/4/2023 và Công văn số 1130/CNPRTC ngày 30/5/2023:

Ngày 09/10/2017, ông Phan Văn H có đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận thửa số 195 diện tích 243m^2 đất HNK, tờ bản đồ địa chính số 13, được UBND phường M xác nhận ngày 08/11/2017. Theo UBND phường M, nguồn gốc sử dụng đất: là đất nghĩa địa trên nền bản đồ năm 1998, năm 2004 ông T2, ông D và ông L chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trọng C, đến năm 2005 ông C chuyển nhượng cho ông Phan Văn H, không làm giấy tờ. Theo bản đồ 299/TTg đo đạc và chỉnh lý năm 1993 thì thửa đất ông Phan Văn H đề nghị cấp giấy chứng nhận thuộc một phần thửa số 115 đất Hg/đb (đất hoang), không thể hiện diện tích, tờ bản đồ 299/Ttg số 5. Tương ứng một phần thửa số 25 diện tích 5663m^2 đất nghĩa địa do UBND xã quản lý, tờ bản đồ địa chính năm 1998 số 14-a xã M. Tương ứng một phần thửa số 224 diện tích 2.231m^2 đất NTD (đất nghĩa địa) do UBND phường quản lý bản đồ địa chính chỉnh lý năm 2008 số E phường M.

Theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND thành phố P - T về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu dân cư hai bên tuyến đường dẫn phía Bắc và N1 cầu A, thành phố P - T , tỉnh Ninh Thuận, thửa đất ông H đang sử dụng thuộc quy hoạch đất ở phân lô B cầu A.

Theo quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 22, điểm i khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Căn cứ hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận và các quy định, các văn bản tài liệu nêu trên, trường hợp ông Phan Văn H đăng ký cấp giấy chứng nhận thửa số 195 diện tích 243 m^2 đất HNK (đất nông nghiệp) tờ bản đồ địa chính số 13 là không phù hợp quy hoạch. Vì theo xác nhận của UBND phường M nguồn gốc sử dụng thuộc đất nghĩa địa, do đó ông H lấn chiếm đất nghĩa địa, hiện trạng không sản xuất nông nghiệp, hiện nay thửa đất thuộc quy hoạch phân lô đất ở, không thuộc quy hoạch đất nông nghiệp nên không phù hợp quy hoạch. Đồng thời thời điểm nhận chuyển nhượng năm 2005, nhưng theo bản đồ địa chính chỉnh lý năm 2008 vẫn là đất nghĩa địa do UBND phường quản lý, chưa hình thành thửa đất riêng của ông H.

Đến ngày 23/4/2021, Văn phòng có công văn số 879/CV-CNPRTC về việc trả lời đơn kiến nghị của ông H, đề nghị ông H liên hệ UBND phường M để được xem xét xác định lại đầy đủ hồ sơ và có văn bản trả lời (kèm theo biên bản họp xét duyệt nguồn gốc đất) nguồn gốc thửa đất trên do ai tạo lập sử dụng, có lấn chiếm đất nghĩa địa không, có vi phạm lấn chiếm đất công cộng không, nay còn thuộc đất nghĩa địa của địa phương quản lý không, có thuộc đất công do UBND phường quản lý không, có trong kết luận của thanh tra thành phố không.

Trường hợp ông Phan Văn H đăng ký cấp giấy chứng nhận loại đất nông nghiệp, hiện trạng thửa đất không sản xuất nông nghiệp, sử dụng chứa cát, thửa đất không có nhà ở, chưa sử dụng vào mục đích đất ở. Theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND thành phố P - T về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu dân cư hai bên tuyến đường dẫn phía Bắc và N1 cầu A, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận, thì thửa đất thuộc đất ở phân lô (không phù hợp lô), nên không phù hợp quy hoạch.

Người bị kiện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh N trình bày tại Bản ý kiến giải trình ngày 16/5/2023:

1. Về nguồn gốc thửa đất ông Phan Văn H đề nghị cấp GCNQSDĐ:

- Tại đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, UBND phường M xác nhận nguồn gốc sử dụng đất: là đất nghĩa địa trên nền bản đồ năm 1998, năm 2004 ông T2, ông D và ông L chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trọng C, đến năm 2005 ông C chuyển nhượng cho ông Phan Văn H, không làm giấy tờ.

- Hồ sơ địa chính lập qua các thời kỳ: Theo hồ sơ địa chính phường M (tờ bản đồ số 5 bản đồ 299/Ttg, đo đạc và chỉnh lý năm 1993) thì thửa đất ông Phan Văn H xin cấp GCNQSDĐ thuộc một phần thửa đất số 115, loại đất là Hg/đb (đất hoang đồng bằng), thửa đất không thể hiện diện tích.

Tài liệu tại Bản đồ địa chính lập năm 1998 thì thửa đất ông Phan Vưn H1 xin cấp GCNQSDĐ tương ứng một phần thửa số 25 tờ bản đồ địa chính số 14a, diện tích 5.663m^2, loại đất nghĩa địa cho UBND xã M quản lý.

Tài liệu bản đồ địa chính năm 2008 thì thửa đất tương ứng một phần thửa đất số 224 tờ bản đồ địa chính số 05 phường M, diện tích 2.231m^2 loại đất nghĩa địa do UBND phường M quản lý.

Về quy hoạch: Căn cứ Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND thành phố P - T về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu dân cư hai bên tuyến đường dẫn phía Bắc và N1 cầu A, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận, thửa đất ông H1 đang sử dụng thuộc quy hoạch đất ở phân lô B cầu A.

Trường hợp ông H1 đăng ký cấp GCNQSDĐ thuộc trường hợp sử dụng đất vi phạm pháp luật đất đai (lấn chiếm đất nghĩa địa) trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, hiện trạng đang sử dụng vào mục đích chứa cát (không phù hợp quy hoạch). Căn cứ Khoản 3, 4 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về xử lý, cấp GCNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì ông Phan Văn H không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ.

2. Căn cứ pháp lý: Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND thành phố P - T về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu dân cư hai bên tuyến đường dẫn phía Bắc và N1 cầu A, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

3. Quan điểm của Người giải trình:

- Yêu cầu của ông Phan Văn H về việc hủy Quyết định số 1381/QĐ-VPĐK ngày 30/11/2021 của Giám đốc Văn phòng Đ và văn bản số 1046/VPĐKDĐ-ĐKCN ngày 17/9/2021 của Văn phòng Đ là không có cơ sở.

- Nội dung buộc Văn phòng Đ chi nhánh P - T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 195 tờ bản đồ địa chính số 13 phường M là không đủ điều kiện xem xét giải quyết.

Người làm chứng Ủy ban nhân dân phường M trình bày tại Công văn số 139/UBND-ĐC ngày 13 tháng 6 năm 2023:

Nguồn gốc thửa đất số 195 tờ bản đồ địa chính số 13 diện tích 243m^2 phường M: thửa đất thuộc trường hợp sử dụng đất có lấn chiếm đất nghĩa địa, thuộc trường hợp sử dụng đất có vi phạm do lấn chiếm đất nghĩa địa; hiện trạng trên đất không có nghĩa địa; nay không thuộc đất công, công ích do UBND phường quản lý, ko có tên trong kết luận Thanh tra thành phố.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2023/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính, Luật Đất đai năm 2013, Luật khiếu nại năm 2011;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy Ban T3 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 1381/QĐ-VPĐK ngày 30/11/2021 của Giám đốc Văn phòng Đ và Văn bản số 1046/VPĐKDĐ- ĐKCN ngày 17/9/2021 của Văn phòng Đ.

- Buộc Văn phòng Đ Chi nhánh P - T thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền cho ông Phan Văn H đối với thửa đất số 195 tờ bản đồ địa chính số 13 (nay là thửa số 226 tờ bản đồ số 13) phường M.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01/8/2023, người khởi kiện là ông Phan Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T1 (có ông Phan Văn H đại diện theo ủy quyền) yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dụng đảm bảo theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Xét kháng cáo của ông Phan Văn H, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/12/2022 của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện, thửa đất số 195, tờ bản đồ địa chính số A phường M (nay là thửa số 226, tờ bản đồ số 13 phường M) có diện tích 240,8m^2 và vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường Y, phía Tây giáp thửa số 320 của ông Phan Văn H, phía Nam giáp lối đi chung, phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Hữu D1. Ranh giới mốc giới được xác định bằng tường xây gạch và trụ bê tông cố định tại thực địa.

[2.2] Ngày 09/10/2017, ông Phan Văn H có đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận đất HNK (đất nông nghiệp), thửa số 195, tờ bản đồ địa chính số 13 phường M (nay là thửa số 226, tờ bản đồ số 13 phường M), diện tích đăng ký là 243m^2. Ngày 08/11/2017, UBND phường M xác nhận nguồn gốc sử dụng đất nêu trên là đất nghĩa địa trên nền bản đồ năm 1998, năm 2004 ông T2, ông D1 và ông L chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trọng C, đến năm 2005 ông C chuyển nhượng cho ông Phan Văn H, không có giấy tờ.

[2.3] Về hồ sơ địa chính lập qua các thời kỳ: Theo hồ sơ địa chính phường M (tờ bản đồ số 5 bản đồ 299/Ttg, đo đạc và chỉnh lý năm 1993) thì thửa đất ông Phan Văn H xin cấp GCNQSDĐ thuộc một phần thửa đất số 115, loại đất là Hg/đb (đất hoang đồng bằng), thửa đất không thể hiện diện tích.

Tại Bản đồ địa chính lập năm 1998, thửa đất ông Phan Văn H xin cấp GCNQSDĐ tương ứng một phần thửa số 25 tờ bản đồ địa chính số 14a, diện tích 5.663m^2, loại đất nghĩa địa cho UBND xã M quản lý.

Theo Bản đồ địa chính năm 2008, thửa đất tương ứng một phần thửa đất số 224 tờ bản đồ địa chính số 05 phường M, diện tích 2.231m^2 loại đất nghĩa địa do UBND phường M quản lý.

[2.4] Như vậy, có cơ sở xác định, thửa đất số 195 tờ bản đồ địa chính số 13 phường M (nay là thửa số 226 tờ bản đồ số 13 phường M) là đất nghĩa địa do nhà nước quản lý. Ông H yêu cầu cấp GCNQSDĐ với mục đích sử dụng là đất trồng cây hằng năm khác (HNK), trong khi việc sử dụng thửa đất nêu trên thuộc trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, lấn chiếm đất nghĩa địa trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, hiện trạng trên đất dùng để chứa cát, không phù hợp quy hoạch đất ở phân lô B cầu A căn cứ Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND thành phố P - T về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu dân cư hai bên tuyến đường dẫn phía Bắc và N1 cầu A, thành phố P - T. Do đó, Văn phòng Đ chi nhánh thành phố P - T đã ban hành Công văn số 1387/CV-CNPRTC "v/v chuyển trả hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận của ông Phan Văn H" ngày 21/11/2017, ghi rõ: *hồ sơ không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận do thửa đất thuộc khu quy hoạch phân lô đất ở phường M, hiện trạng đất để trống, không thuộc khu vực sản xuất nông nghiệp"* là có căn cứ. Do ông H kiến nghị nên ngày

10/5/2021, Văn phòng Đ chi nhánh thành phố P - T ban hành Công văn số 879/CV-CNPRTC trả lời đơn kiến nghị của ông H, có nội dung đề nghị ông H liên hệ UBND phường M để được xem xét xác định lại đầy đủ hồ sơ và có văn bản trả lời (kèm theo biên bản họp xét duyệt nguồn gốc đất) nguồn gốc thửa đất trên do ai tạo lập sử dụng, có lấn chiếm đất nghĩa địa, có vi phạm lấn chiếm đất công cộng không, nay còn thuộc đất nghĩa địa của địa phương quản lý, có thuộc đất công do UBND phường quản lý không, có trong kết luận của thanh tra thành phố không, là đúng quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

[2.5] Ngày 18/6/2021, ông Phan Văn H khiếu nại Công văn 1387/CV-CNPRTC và Văn bản số 879/CV-CNPRTC nêu trên đến Văn phòng Đ. Ngày 17/9/2021, Văn phòng Đ có văn bản số 1046/VPĐKĐĐ-ĐKCN về việc trả lời đơn khiếu nại của ông H: *đề nghị ông liên hệ UBND phường M để xác nhận rõ về nguồn gốc đất đai và thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký của hộ ông*. Ông H không thực hiện theo hướng dẫn mà tiếp tục khiếu nại văn bản số 1046/VPĐKĐĐ-ĐKCN. Do đó, ngày 30/11/2021, Giám đốc văn phòng Đ đã ban hành Quyết định 1381/QĐ-VPĐK bác khiếu nại của ông H là đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H về yêu cầu hủy Quyết định số 1381/QĐ-VPĐK ngày 30/11/2021 của Giám đốc Văn phòng Đ, Văn bản số 1046/VPĐKDĐ- ĐKCN ngày 17/9/2021 của Văn phòng Đ và yêu cầu buộc Văn phòng Đ chi nhánh thành phố P - T thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đối với thửa đất số 195 tờ bản đồ địa chính số 13 phường M là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, kháng cáo của ông H là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Phan Văn H là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ nên được miễn, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Phan Văn H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2023/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Áp dụng Luật Đất đai năm 2013, Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy Ban T3 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 1381/QĐ-VPĐK ngày 30/11/2021 của Giám đốc Văn phòng Đ và Văn bản số 1046/VPĐKDĐ- ĐKCN ngày 17/9/2021 của Văn phòng Đ.

- Buộc Văn phòng Đ Chi nhánh P - T thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền cho ông Phan Văn H đối với thửa đất số 195 tờ bản đồ địa chính số 13 (nay là thửa số 226 tờ bản đồ số 13) phường M.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: ông Phan Văn H phải chịu 1.560.000 đồng, ông H đã nộp đủ.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Phan Văn H được miễn.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Thị Thanh Thúy